

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-5-2021

V/v “Ly hôn, t/c về nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Xuân Sơn

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Hảo

2. Ông Huỳnh Bình

*** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đinh Thanh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Kim M, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Tổ 10, Đường Phan Chu Trinh (ĐT 762), ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: 0338.xxxxxx

- *Bị đơn:* Anh Đào Vũ Anh T, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Số nhà 197, Tổ 5, Ấp B, xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: 0335.xxxxxx

(Chị M, anh T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Kim M trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Vũ Anh T tự nguyện yêu thương chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyển số 01/2009 ngày 27/10/2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2013 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong vấn đề tình cảm, quan điểm sống. Tình trạng mâu thuẫn kéo dài dẫn đến xung đột, không tôn trọng nhau. Đến cuối năm 2013, thì anh chị ly thân nhau cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai tìm cách hàn gắn tình cảm để cùng nhau chăm lo cho con cái nhưng không có kết quả, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn của anh chị chưa được chính quyền địa phương hòa giải do không có yêu cầu.

Nay chị xác định anh chị có thời gian ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên là Đào Trần Gia B, sinh ngày 30/7/2010 và Đào Trần Gia K, sinh ngày 21/6/2013. Hiện 02 con chung do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/1 con kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tại phiên tòa, chị M thay đổi ý kiến xin được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Đào Vũ Anh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81, ngày 27/10/2009. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc sau đó do làm ăn thua lỗ đến đầu năm 2013 thường xuyên cãi nhau dẫn đến xung đột và không tôn trọng lẫn nhau. Cuối năm 2013 thì chị M tự bỏ đi Malaysia 3 năm sau mới về. Khi về anh và chị M cố gắng hàn gắn để lo cho con cái nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn của anh chị chưa được chính quyền địa phương hòa giải.

Nay xét thấy thời gian ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Anh và chị M có 02 con chung như chị M trình bày. Hiện 02 con chung do chị M chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng 01 hoặc 02 con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T đã có mâu thuẫn trầm trọng, chị M không còn tình cảm với anh T. Chị M xin ly hôn anh T đồng ý do đó đề nghị ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M và anh T; Về quan hệ con chung: Chị M, anh T có 02 con chung tên là Đào Trần Gia B, sinh ngày 30/7/2010 và Đào Trần Gia K, sinh ngày 21/6/2013. Hiện 02 con chung do chị M chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn, đề nghị giao 02 con chung cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị M phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, chị Trần Kim M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh Đào Vũ Anh T đồng ý ly hôn nhưng chị M và anh T không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Kim M khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Đào Vũ Anh T, nơi cư trú: Số nhà 197, Tổ 5, Ấp B, xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Trần Kim M là nguyên đơn, anh Đào Vũ Anh T là bị đơn; quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Kim M và anh Đào Vũ Anh T kết hôn với nhau năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyển số 01/2009 ngày 27/10/2009. Căn cứ các Điều 9, 10, 11, 12, 13 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T có giá trị pháp lý. Các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ xét thấy tình trạng hôn nhân của chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thể hiện qua lời trình bày của chị M và sự thừa nhận của anh T; chị

M và anh T đã ly thân nhau từ tháng năm 2013 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị M, anh T đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng không có kết quả do cả hai không muốn đoàn tụ. Nay chị M xin ly hôn anh T đồng ý. Xét sự thuận tình ly hôn của chị M, anh T là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Kim M và anh Đào Vũ Anh T. Chị Trần Kim M được ly hôn anh Đào Vũ Anh T.

[4]. Về con chung: Chị M và anh T thống nhất trình bày anh chị có 02 con chung tên là Đào Trần Gia B, sinh ngày 30/7/2010 và Đào Trần Gia K, sinh ngày 21/6/2013. Hiện 02 con chung do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn, chị M và anh T đều muốn nuôi con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị M, anh T đều có đủ điều kiện nuôi con như có chỗ ở, thu nhập ổn định. Tuy nhiên, hiện nay 02 con chung do chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu giao con cho anh T nuôi dưỡng sẽ thay đổi môi trường sống, không tốt cho con; ý kiến của 02 con chung đều mong muốn ở với chị M; chị M là mẹ, hiện nay đang buôn bán tại nhà, sẽ có nhiều thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con sẽ tốt hơn anh T. Do đó giao 02 con chung cho chị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là có cơ sở. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị Trần Kim M phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004949 ngày 01/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 85, 87, 88, 89, 91, 92, 93 và Điều 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trần Kim M và anh Đào Vũ Anh T. Chị Trần Kim M được ly hôn anh Đào Vũ Anh T.

[2]. Về quan hệ con chung: Chị M và anh T có 02 con chung tên là Đào Trần Gia B, sinh ngày 30/7/2010 và Đào Trần Gia K, sinh ngày 21/6/2013. Hiện 02 con chung do chị M chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Đào Trần Gia B và cháu Đào Trần Gia K cho chị Trần Kim M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh Đào Vũ Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trần Kim M phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được tính trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004949 ngày 01/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Kim M, anh Đào Vũ Anh T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- TAND tỉnh ĐN (01);
- VKSND H.VC (02);
- Chi cục THADS H.VC (01);
- UBND TT Vĩnh An, H. Vĩnh Cửu (01);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(*đã ký tên, đóng dấu*)

Võ Xuân Sơn